

DANH SÁCH THÍ SINH
Năm học 2025-2026. Học kỳ 1

Môn thi: **Giáo dục thể chất 3**

Hình thức thi: Thực hành

Thời gian làm bài: (phút)

Tổng số thí sinh: 626

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
1	356	CT090101	Bùi Phúc	An	8	5	7,1	1			SAN-2	
2	203	AT210301	Chu Văn Trường	An	9	7	8,4	1			SAN-3	
3	558	DT080201	Đỗ Quốc	An	9	5	7,8	1			SAN-2	
4	456	CT090301	Hoàng Lê Bảo	An	7	7	7	1			SAN-4	
5	306	AT210501	Lê Thành	An	8	8	8	1			SAN-1	
6	505	DT080101	Lưu Nguyễn Bình	An	8	8	8	1			SAN-1	
7	100	AT210101	Nguyễn Đức	An	6	6	6	1			SAN-1	
8	150	AT210201	Nguyễn Trường	An	7	7	7	1			SAN-2	
9	403	CT090201	Tăng Hải	An	9	6	8,1	1			SAN-3	
10	661	AT200401	Trần Trường	An	5	5	5	1			SAN-4	
11	404	CT090202	Trịnh Quang	An	9	8	8,7	1			SAN-3	
12	254	AT210401	Vũ Văn	An	7	7	7	1			SAN-4	
13	405	CT090204	An Quốc	Anh	9	7	8,4	1			SAN-3	
14	611	DT080302	Bùi Tuấn	Anh	9	9	9	1			SAN-3	
15	101	AT210104	Đàm Duy	Anh	8	8	8	1			SAN-1	
16	255	AT210404	Đinh Tuấn	Anh	8	8	8	1			SAN-4	
17	406	CT090205	Đoàn Đức	Anh	9	8	8,7	1			SAN-3	
18	614	DT080303	Đỗ Hoàng	Ánh	9	7	8,4	1			SAN-3	
19	506	DT080102	Đỗ Việt	Anh	8	9	8,3	1			SAN-1	
20	151	AT210202	Hà Ngọc	Anh	5	5	5	1			SAN-2	
21	357	CT090104	Hoàng Phương	Anh	9	5	7,8	1			SAN-2	
22	662	AT190304	Hoàng Trọng Tài	Anh	7	7	7	1			SAN-4	
23	358	CT090105	Hoàng Tuấn	Anh	9	8	8,7	1			SAN-2	
24	307	AT210504	Lê Đức	Anh	8	8	8	1			SAN-1	
25	256	AT210405	Lê Đức	Anh	8	8	8	1			SAN-4	
26	457	CT090302	Lê Hoàng	Anh	6	6	6	1			SAN-4	
27	359	CT090106	Lê Nhật	Anh	8	7	7,7	1			SAN-2	
28	360	CT090102	Lê Thế	Anh	9	8	8,7	1			SAN-2	
29	308	AT210502	Lê Việt Phương	Anh	8	8	8	1			SAN-1	
30		CT090304	Ngô Duy	Anh	7	7	7	1				Nợ HP
31	102	AT210102	Ngô Thân Ngọc	Anh	7	7	7	1			SAN-1	
32	612	AT170303	Nguyễn Đình Hoàng	Anh	9	9	9	1			SAN-3	
33	152	AT210205	Nguyễn Đức	Anh	5	5	5	1			SAN-2	
34	407	CT090203	Nguyễn Đức	Anh	9	5	7,8	1			SAN-3	
35	153	AT210203	Nguyễn Thế	Anh	5	5	5	1			SAN-2	
36		DT040204	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	-100	-100	-100	1				Cấm thi
37	663	AT190302	Nguyễn Trọng	Anh	5	5	5	1			SAN-4	
38	664	AT210303	Nông Đức	Anh	4	4	4	1			SAN-4	
39		AT210302	Phạm Hải	Anh	-25	-25	-25	1				Cấm thi
40	361	CT090103	Phạm Thế	Anh	9	5	7,8	1			SAN-2	
41	559	DT080202	Phạm Thị Nguyệt	Anh	8	7	7,7	1			SAN-2	
42	458	CT090303	Phạm Thị Quỳnh	Anh	8	8	8	1			SAN-4	
43	257	AT210402	Phùng Nhật	Anh	7	7	7	1			SAN-4	
44	459	CT090305	Thái Việt	Anh	6	6	6	1			SAN-4	
45	204	AT210304	Tô Duy	Anh	8	8	8	1			SAN-3	
46	103	AT210103	Trần Bá	Anh	7	7	7	1			SAN-1	
47	154	AT210204	Trần Hoàng	Anh	6	6	6	1			SAN-2	
48	665	CT070105	Trần Thế	Anh	7	7	7	1			SAN-4	
49	309	AT210503	Trịnh Quang Tuấn	Anh	8	8	8	1			SAN-1	
50	258	AT210403	Trương Quốc	Anh	8	8	8	1			SAN-4	
51	205	AT210305	Võ Tuấn	Anh	9	8	8,7	1			SAN-3	
52	613	DT080301	Vũ Quốc	Anh	8	8	8	1			SAN-3	
53	259	AT210505	Bùi Xuân	Ba	5	5	5	1			SAN-4	
54	560	DT080203	Lê Gia	Bách	7	8	7,3	1			SAN-2	
55	615	DT080304	Nguyễn Ngọc	Bách	9	8	8,7	1			SAN-3	
56	507	DT080104	Tô Hoàng	Bách	9	9	9	1			SAN-1	
57	206	AT210306	Đỗ Quốc	Bảo	9	5	7,8	1			SAN-3	

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
58	155	AT210207	Lục Tuấn	Bảo	7	7	7	1			SAN-2	
59	508	DT080105	Nguyễn Trọng Quân	Bảo	9	9	9	1			SAN-1	
60		CT090107	Phạm Nguyễn Quốc	Bảo	-25	-25	-25	1				Cấm thi
61	260	AT210206	Hà Xuân	Bắc	7	7	7	1			SAN-4	
62	509	DT080103	Phạm Văn	Bắc	8	6	7,4	1			SAN-1	
63	104	AT210105	Trần Phương	Bắc	8	8	8	1			SAN-1	
64	105	AT210307	Dương Đức	Bình	6	6	6	1			SAN-1	
65	510	DT080106	Lê Tiến	Bình	8	9	8,3	1			SAN-1	
66	261	AT210406	Nguyễn Đức	Bình	8	8	8	1			SAN-4	
67	561	DT080204	Trịnh Thanh	Bình	8	7	7,7	1			SAN-2	
68	562	DT080205	Cao Sơn	Cánh	8	8	8	1			SAN-2	
69	207	AT190508	Nguyễn Cao	Cầu	9	7	8,4	1			SAN-3	
70		DT080305	Hoàng Mạnh	Chiến	7	4	6,1	1				Nợ HP
71	310	AT210506	Kiều Minh	Chiến	7	7	7	1			SAN-1	
72	311	AT210507	Nguyễn Khắc	Chiến	8	8	8	1			SAN-1	
73	563	DT080206	Nguyễn Ngọc	Chiến	8	8	8	1			SAN-2	
74	106	AT210106	Nguyễn Trung	Chiến	8	8	8	1			SAN-1	
75	408	CT090206	Trần Ngọc	Chiêu	9	6	8,1	1			SAN-3	
76	616	DT080306	Đình Đức	Chính	7	8	7,3	1			SAN-3	
77	666	AT200108	Nguyễn Ngọc	Chính	7	7	7	1			SAN-4	
78	409	CT090207	Vũ Đức	Chính	7	4	6,1	1			SAN-3	
79	460	CT090306	Vũ Quang	Chính	8	8	8	1			SAN-4	
80	617	DT080307	Đình Thành	Chung	8	8	8	1			SAN-3	
81	667	AT200208	Bùi Thanh	Chương	8	8	8	1			SAN-4	
82	618	DT080308	Đặng Nguyên	Chương	9	6	8,1	1			SAN-3	
83	362	CT090108	Hoàng Minh	Công	9	5	7,8	1			SAN-2	
84	461	CT090307	Nguyễn Doãn Thành	Công	7	7	7	1			SAN-4	
85	410	CT090208	Hoàng Mạnh	Cường	9	6	8,1	1			SAN-3	
86	564	DT080207	Lê Việt	Cường	9	7	8,4	1			SAN-2	
87	363	CT090109	Lò Mạnh	Cường	8	9	8,3	1			SAN-2	
88	619	CT070306	Ngô Minh	Cường	8	6	7,4	1			SAN-3	
89	511	DT080108	Nguyễn Mạnh	Cường	8	6	7,4	1			SAN-1	
90	107	AT210108	Phạm Ngọc	Cường	8	8	8	1			SAN-1	
91	620	DT080309	Trần Quốc	Cường	9	7	8,4	1			SAN-3	
92	108	AT210107	Vũ Mạnh	Cường	7	7	7	1			SAN-1	
93	312	AT210508	Trần Phúc	Diện	8	8	8	1			SAN-1	
94	313	AT210509	Đoàn Kim Ngọc	Diệp	7	7	7	1			SAN-1	
95	109	AT210114	Dương Mạnh	Dũng	8	8	8	1			SAN-1	
96	462	CT090308	Đặng Thùy	Dung	5	5	5	1			SAN-4	
97	463	CT090315	Đỗ Mạnh Hùng	Dũng	7	7	7	1			SAN-4	
98	208	AT210314	Lê Tiến	Dũng	9	4	7,5	1			SAN-3	
99	565	DT080214	Mai Trí	Dũng	8	10	8,6	1			SAN-2	
100	464	CT090314	Ngô Văn	Dũng	7	7	7	1			SAN-4	
101	209	AT210313	Nguyễn Duy Anh	Dũng	9	5	7,8	1			SAN-3	
102	512	AT200214	Nguyễn Đình Huy	Dũng	8	9	8,3	1			SAN-1	
103	513	CT060209	Nguyễn Đình Quang	Dũng	7	5	6,4	1			SAN-1	
104	262	AT210413	Nguyễn Mạnh	Dũng	8	8	8	1			SAN-4	
105	314	AT210513	Nguyễn Tiến	Dũng	8	8	8	1			SAN-1	
106	156	AT210214	Nguyễn Việt	Dũng	5	5	5	1			SAN-2	
107	263	AT210414	Phạm Quang	Dũng	7	7	7	1			SAN-4	
108	315	AT210514	Phạm Văn	Dũng	5	5	5	1			SAN-1	
109	364	CT090116	Phạm Vũ	Dũng	9	5	7,8	1			SAN-2	
110	514	DT080110	Trần Hoàng	Dũng	8	6	7,4	1			SAN-1	
111	621	CT070115	Trần Hoàng	Dũng	8	5	7,1	1			SAN-3	
112	411	CT090214	Trần Thị Vân	Dung	9	8	8,7	1			SAN-3	
113	566	DT080213	Trương Anh	Dũng	8	6	7,4	1			SAN-2	
114	515	AT200215	Vương Tiến	Dũng	9	8	8,7	1			SAN-1	
115	210	AT210318	Dương Quang	Duy	9	8	8,7	1			SAN-3	
116	264	AT210416	Đào Hải	Duy	6	6	6	1			SAN-4	
117	211	AT210316	Đặng Khánh	Duy	9	9	9	1			SAN-3	
118	265	AT210415	Đặng Thanh	Duy	8	8	8	1			SAN-4	
119	412	CT090216	Hoàng	Duy	8	7	7,7	1			SAN-3	
120	668	AT210317	Lê Nhật	Duy	7	7	7	1			SAN-4	
121	316	AT210515	Nguyễn Đạo Khánh	Duy	7	7	7	1			SAN-1	
122	622	DT080317	Nguyễn Huy Quang	Duy	8	7	7,7	1			SAN-3	
123	157	AT210217	Nguyễn Nhật	Duy	5	5	5	1			SAN-2	
124	110	AT210116	Nguyễn Nhật	Duy	8	8	8	1			SAN-1	

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
125	567	DT080217	Nguyễn Vũ	Duy	9	9	9	1			SAN-2	
126	465	CT090316	Phạm Đức	Duy	7	7	7	1			SAN-4	
127	669	CT070118	Phạm Quang	Duy	5	5	5	1			SAN-4	
128		DT080114	Phạm Tiến	Duy	-25	-25	-25	1				Cấm thi
129	568	DT080216	Phạm Xuân	Duy	9	9	9	1			SAN-2	
130	317	AT210516	Tạ Đình Hoàng	Duy	8	8	8	1			SAN-1	
131	516	DT080113	Trần Nhật	Duy	8	6	7,4	1			SAN-1	
132	111	AT210117	Võ Văn	Duy	8	8	8	1			SAN-1	
133	623	DT080315	Đình Tùng	Dương	9	6	8,1	1			SAN-3	
134	365	CT090117	Hoàng Văn	Dương	8	6	7,4	1			SAN-2	
135	517	DT080111	Nguyễn Đăng	Dương	9	6	8,1	1			SAN-1	
136	112	AT210115	Nguyễn Thái	Dương	7	7	7	1			SAN-1	
137	158	AT210215	Nguyễn Trần Đăng	Dương	5	5	5	1			SAN-2	
138	518	DT080112	Nguyễn Tùng	Dương	9	7	8,4	1			SAN-1	
139	413	CT090215	Nguyễn Xuân	Dương	8	4	6,8	1			SAN-3	
140	159	AT210216	Phạm Đăng	Dương	5	5	5	1			SAN-2	
141	569	DT080215	Phan Ngọc	Dương	9	9	9	1			SAN-2	
142	113	DT050208	Tổng Nguyên Thái	Dương	6	6	6	1			SAN-1	
143	212	AT210315	Trần Nhật	Dương	9	9	9	1			SAN-3	
144	624	DT080316	Trần Thái	Dương	9	8	8,7	1			SAN-3	
145	160	AT210208	Tạ Liên	Đại	5	5	5	1			SAN-2	
146	570	DT080208	Trần Đức	Đại	9	6	8,1	1			SAN-2	
147	161	AT210209	Trần Hữu	Đại	5	5	5	1			SAN-2	
148	571	DT080210	Bùi Tiến	Đạt	8	7	7,7	1			SAN-2	
149	414	CT090210	Đặng Lê Quang	Đạt	8	4	6,8	1			SAN-3	
150	366	CT090111	Đỗ Như	Đạt	9	8	8,7	1			SAN-2	
151	572	DT080211	Đỗ Tiến	Đạt	9	8	8,7	1			SAN-2	
152	266	AT210408	Lăng Thành	Đạt	8	8	8	1			SAN-4	
153	466	CT090312	Lê Mạnh	Đạt	7	7	7	1			SAN-4	
154	367	CT090112	Lê Xuân	Đạt	9	7	8,4	1			SAN-2	
155		AT200111	Lưu Hoàng	Đạt	5	5	5	1				Nợ HP
156	213	AT210310	Nguyễn Việt	Đạt	9	9	9	1			SAN-3	
157	214	AT210309	Nông Đức	Đạt	8	5	7,1	1			SAN-3	
158	267	AT210410	Phạm Tuấn	Đạt	8	8	8	1			SAN-4	
159	519	DT080109	Phạm Văn	Đạt	8	9	8,3	1			SAN-1	
160	415	CT090211	Trần Tiến	Đạt	8	4	6,8	1			SAN-3	
161	467	CT090311	Trịnh Đức	Đạt	5	5	5	1			SAN-4	
162	625	DT080310	Trịnh Phát	Đạt	8	8	8	1			SAN-3	
163	268	AT210409	Vũ Mạch Tuấn	Đạt	6	6	6	1			SAN-4	
164	215	AT210308	Lê Hải	Đăng	9	9	9	1			SAN-3	
165	162	AT210210	Nguyễn Hải	Đăng	8	8	8	1			SAN-2	
166	468	CT090310	Trần Hải	Đăng	9	9	9	1			SAN-4	
167	416	CT090209	Triệu Hải	Đăng	7	7	7	1			SAN-3	
168	573	DT080209	Vũ Minh	Đăng	9	7	8,4	1			SAN-2	
169	469	CT090309	Vũ Trần Hải	Đăng	6	6	6	1			SAN-4	
170	368	CT090113	Nguyễn Bá	Đoàn	9	5	7,8	1			SAN-2	
171		AT210510	Nông Tuấn	Đoàn	8	8	8	1				Nợ HP
172	626	DT080311	Trần Đăng	Đoàn	9	6	8,1	1			SAN-3	
173	163	AT210211	Bùi Anh	Đông	8	8	8	1			SAN-2	
174		DT080313	Ngô Văn	Đông	-100	-100	-100	1				Cấm thi
175	216	AT210109	Nguyễn Phương	Đông	9	8	8,7	1			SAN-3	
176	470	CT090313	Bùi Minh	Đức	7	7	7	1			SAN-4	
177	369	CT090115	Đặng Minh	Đức	9	5	7,8	1			SAN-2	
178	114	AT210113	Lê Huy	Đức	8	8	8	1			SAN-1	
179	318	AT210511	Lê Minh	Đức	8	8	8	1			SAN-1	
180	115	AT210411	Lê Thành	Đức	5	5	5	1			SAN-1	
181	627	DT080314	Ngô Minh	Đức	9	9	9	1			SAN-3	
182	417	CT090212	Nguyễn Bá	Đức	9	9	9	1			SAN-3	
183	574	DT080212	Nguyễn Duy	Đức	9	7	8,4	1			SAN-2	
184	418	CT090213	Nguyễn Đình	Đức	8	10	8,6	1			SAN-3	
185	164	AT210212	Nguyễn Hữu	Đức	8	8	8	1			SAN-2	
186	217	AT210311	Nguyễn Minh	Đức	9	9	9	1			SAN-3	
187	218	AT210312	Nguyễn Minh	Đức	9	6	8,1	1			SAN-3	
188	628	AT210412	Nguyễn Minh	Đức	9	9	9	1			SAN-3	
189	116	AT210111	Nguyễn Tấn	Đức	7	7	7	1			SAN-1	
190	370	CT090114	Phạm Minh	Đức	9	5	7,8	1			SAN-2	
191	319	AT210512	Phan Văn	Đức	8	8	8	1			SAN-1	

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
192	117	AT210112	Trần Tiến	Đức	7	7	7	1			SAN-1	
193	118	AT210110	Vũ Anh	Đức	6	6	6	1			SAN-1	
194	471	CT090317	Đoàn Trường	Giang	9	9	9	1			SAN-4	
195	320	AT210517	Nguyễn Hoàng	Giang	6	6	6	1			SAN-1	
196	371	CT090118	Phan Trường	Giang	8	5	7,1	1			SAN-2	
197	269	AT210417	Vũ Nam	Giang	8	8	8	1			SAN-4	
198	372	CT090119	Lê Thị	Hà	9	8	8,7	1			SAN-2	
199	321	AT210518	Nguyễn Mạnh	Hà	8	8	8	1			SAN-1	
200	575	DT080218	Phạm Hoàng	Hà	9	9	9	1			SAN-2	
201	119	AT210118	Phạm Việt	Hà	8	8	8	1			SAN-1	
202	165	AT210219	Đàm Minh	Hải	7	7	7	1			SAN-2	
203	670	AT160123	Kim Tuấn	Hải	7	7	7	1			SAN-4	
204	520	DT080115	Lê Tuấn	Hải	9	8	8,7	1			SAN-1	
205	120	AT210119	Nguyễn Ngọc	Hải	8	8	8	1			SAN-1	
206	671	AT200318	Nguyễn Tiến	Hải	6	6	6	1			SAN-4	
207	629	DT080318	Nguyễn Văn	Hải	9	5	7,8	1			SAN-3	
208	419	CT090217	Phạm Hoàng	Hải	9	10	9,3	1			SAN-3	
209	672	AT190218	Trần Tiến	Hải	7	7	7	1			SAN-4	
210	576	DT080219	Trương Tuấn	Hải	9	5	7,8	1			SAN-2	
211	521	DT080116	Vũ Minh	Hải	8	9	8,3	1			SAN-1	
212	630	DT080319	Chu Minh	Hào	8	9	8,3	1			SAN-3	
213	219	AT210319	Ma Văn	Hào	8	5	7,1	1			SAN-3	
214	166	AT210220	Bùi Thu	Hăng	9	10	9,3	1			SAN-2	
215	220	AT210320	Vũ Đức	Hậu	9	9	9	1			SAN-3	
216	631	DT080320	Đinh Thị	Hiền	9	8	8,7	1			SAN-3	
217	167	AT210419	Nguyễn Thái	Hiền	9	10	9,3	1			SAN-2	
218	522	DT080117	Phạm Thu	Hiền	9	6	8,1	1			SAN-1	
219	322	AT210519	Đào Ngọc	Hiệp	8	8	8	1			SAN-1	
220	523	DT080118	Nguyễn Văn	Hiệp	9	5	7,8	1			SAN-1	
221	270	AT210420	Trần Hoàng	Hiệp	7	7	7	1			SAN-4	
222	323	AT210520	Vũ Công	Hiệp	8	8	8	1			SAN-1	
223	420	CT090218	Vũ Minh	Hiệp	9	7	8,4	1			SAN-3	
224	168	AT210222	Bùi Minh	Hiếu	5	5	5	1			SAN-2	
225	221	AT210321	Bùi Minh	Hiếu	7	5	6,4	1			SAN-3	
226	121	AT210120	Đinh Văn	Hiếu	8	8	8	1			SAN-1	
227	632	DT080321	Hà Quang	Hiếu	9	7	8,4	1			SAN-3	
228	673	AT180219	Nguyễn Minh	Hiếu	6	6	6	1			SAN-4	
229	472	CT090318	Nguyễn Trung	Hiếu	6	6	6	1			SAN-4	
230	473	CT090319	Nguyễn Trung	Hiếu	9	9	9	1			SAN-4	
231	524	DT080119	Nguyễn Văn	Hiếu	9	7	8,4	1			SAN-1	
232	271	AT210422	Nguyễn Văn	Hiếu	6	6	6	1			SAN-4	
233	222	AT210322	Nguyễn Việt	Hiếu	8	9	8,3	1			SAN-3	
234	122	AT210121	Phạm Minh	Hiếu	7	7	7	1			SAN-1	
235	169	AT210221	Tạ Minh	Hiếu	6	6	6	1			SAN-2	
236	373	CT090120	Trần Trung	Hiếu	9	8	8,7	1			SAN-2	
237	525	DT080120	Trương Minh	Hiếu	8	9	8,3	1			SAN-1	
238	633	DT080322	Bùi Thị	Hoa	9	5	7,8	1			SAN-3	
239	170	DT060121	Tạ Văn	Hoan	7	7	7	1			SAN-2	
240	123	AT210122	Lâm Ngọc	Hoàng	8	8	8	1			SAN-1	
241	324	AT170421	Lê Việt	Hoàng	5	5	5	1			SAN-1	
242	325	AT210521	Lê Việt	Hoàng	8	8	8	1			SAN-1	
243	526	DT080122	Nguyễn Công Minh	Hoàng	10	9	9,7	1			SAN-1	
244	577	DT080220	Nguyễn Danh	Hoàng	9	7	8,4	1			SAN-2	
245	326	AT210522	Nguyễn Thọ	Hoàng	8	8	8	1			SAN-1	
246	674	AT190524	Nguyễn Việt	Hoàng	5	5	5	1			SAN-4	
247	527	DT080121	Thái Hữu	Hoàng	9	8	8,7	1			SAN-1	
248	578	DT080221	Trần Nhật	Hoàng	8	8	8	1			SAN-2	
249	124	AT210123	Võ Khắc	Hợp	8	8	8	1			SAN-1	
250	374	CT090121	Vì Văn	Huân	8	5	7,1	1			SAN-2	
251	421	CT090220	Hoàng Huy	Hùng	9	9	9	1			SAN-3	
252	171	AT210224	Nguyễn Tuấn	Hùng	7	7	7	1			SAN-2	
253	172	AT210223	Nguyễn Việt	Hùng	7	7	7	1			SAN-2	
254	675	DT050114	Phạm Thế	Hùng	6	6	6	1			SAN-4	
255	422	CT090219	Phạm Tuấn	Hùng	9	4	7,5	1			SAN-3	
256	125	AT210125	Đỗ Hữu	Huy	8	8	8	1			SAN-1	
257	223	AT210325	Hoàng Gia	Huy	9	9	9	1			SAN-3	
258	423	CT090221	Kim Gia	Huy	8	5	7,1	1			SAN-3	

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
259	272	AT210425	Lê Hoàng	Huy	7	7	7	1			SAN-4	
260	579	DT080226	Lò Mạnh	Huy	9	6	8,1	1			SAN-2	
261	273	AT210426	Mai Quang	Huy	5	5	5	1			SAN-4	
262	474	CT090321	Nguyễn Đình	Huy	6	6	6	1			SAN-4	
263	375	CT090122	Nguyễn Đình Quang	Huy	9	8	8,7	1			SAN-2	
264	475	CT090322	Nguyễn Đức	Huy	6	6	6	1			SAN-4	
265	476	CT090323	Nguyễn Hữu	Huy	9	9	9	1			SAN-4	
266	580	DT080225	Nguyễn Lâm	Huy	9	9	9	1			SAN-2	
267	528	DT080126	Nguyễn Ngọc	Huy	8	9	8,3	1			SAN-1	
268	529	DT080125	Nguyễn Quang	Huy	8	8	8	1			SAN-1	
269	173	AT210225	Nguyễn Quang	Huy	7	7	7	1			SAN-2	
270	274	AT210226	Nguyễn Quang	Huy	7	7	7	1			SAN-4	
271	676	AT190127	Nguyễn Thế	Huy	6	6	6	1			SAN-4	
272	376	CT090123	Nguyễn Văn	Huy	9	9	9	1			SAN-2	
273	424	CT090224	Nguyễn Văn	Huy	9	7	8,4	1			SAN-3	
274	126	AT210124	Nguyễn Xuân	Huy	7	7	7	1			SAN-1	
275	581	CT070325	Phạm Đức	Huy	9	8	8,7	1			SAN-2	
276	477	CT090324	Phạm Trịnh Gia	Huy	4	4	4	1			SAN-4	
277	127	AT210326	Trần Quang	Huy	5	5	5	1			SAN-1	
278	425	CT090222	Trần Quốc	Huy	9	7	8,4	1			SAN-3	
279	426	CT090223	Vũ Quang	Huy	8	5	7,1	1			SAN-3	
280	327	AT210525	Nguyễn Đàm Thu	Huyền	7	7	7	1			SAN-1	
281	377	CT090124	Chu Thế	Huỳnh	9	9	9	1			SAN-2	
282	582	DT080227	Đoàn Trọng	Huỳnh	9	5	7,8	1			SAN-2	
283	677	AT170324	Cù Tất	Hưng	7	7	7	1			SAN-4	
284	224	AT210324	Kiều Tuấn	Hưng	9	8	8,7	1			SAN-3	
285	225	AT210323	Nguyễn Duy	Hưng	8	8	8	1			SAN-3	
286	275	AT210424	Nguyễn Trương Quang	Hưng	6	6	6	1			SAN-4	
287	530	DT080123	Nguyễn Xuân	Hưng	8	7	7,7	1			SAN-1	
288	276	AT210423	Trần Thế	Hưng	8	8	8	1			SAN-4	
289	583	DT080222	Trần Xuân	Hưng	9	8	8,7	1			SAN-2	
290	478	CT090320	Triệu Việt	Hưng	7	7	7	1			SAN-4	
291	328	AT210523	Vũ Đình	Hưng	8	8	8	1			SAN-1	
292	329	AT210524	Lê Duy	Hưởng	6	6	6	1			SAN-1	
293	585	DT080223	Nhữ Thị	Hướng	9	6	8,1	1			SAN-2	
294	531	DT080124	Phạm Thu	Hương	9	9	9	1			SAN-1	
295	584	DT080224	Trương Văn	Hưởng	9	8	8,7	1			SAN-2	
296	330	AT210526	Nguyễn Đăng	Khải	8	8	8	1			SAN-1	
297	128	AT190128	Nguyễn Văn	Khải	5	5	5	1			SAN-1	
298	226	AT210126	Đặng Nguyên	Khang	8	7	7,7	1			SAN-3	
299	532	DT080127	Bùi Ngọc	Khánh	8	5	7,1	1			SAN-1	
300	175	AT210228	Bùi Quang	Khánh	7	7	7	1			SAN-2	
301	427	CT090226	Dương Duy	Khánh	7	5	6,4	1			SAN-3	
302	586	DT080228	Đỗ Duy	Khánh	9	8	8,7	1			SAN-2	
303	331	AT210528	Đỗ Nam	Khánh	6	6	6	1			SAN-1	
304	227	AT210328	Giáp Đăng	Khánh	8	4	6,8	1			SAN-3	
305	228	AT210327	Hoàng Ngọc	Khánh	9	6	8,1	1			SAN-3	
306	277	AT210428	Lê Nam	Khánh	8	8	8	1			SAN-4	
307	428	CT090225	Lưu Minh	Khánh	9	9	9	1			SAN-3	
308	278	AT210229	Ngô Văn	Khánh	7	7	7	1			SAN-4	
309	229	AT210127	Nguyễn Duy	Khánh	9	8	8,7	1			SAN-3	
310	129	DT050215	Nguyễn Hữu	Khánh	5	5	5	1			SAN-1	
311		AT170229	Nguyễn Nam	Khánh	-100	-100	-100	1				Cấm thi; Nợ HP
312	230	AT210329	Nguyễn Nam	Khánh	9	8	8,7	1			SAN-3	
313	279	AT210427	Nông Quốc	Khánh	5	5	5	1			SAN-4	
314	174	AT210227	Phạm Lê	Khanh	5	5	5	1			SAN-2	
315	634	DT080324	Trần Quốc	Khánh	7	8	7,3	1			SAN-3	
316	231	AT210330	Phạm Hữu	Khiêm	7	5	6,4	1			SAN-3	
317	479	CT090326	Hà Danh	Khoa	6	6	6	1			SAN-4	
318	280	AT210529	Nguyễn Đăng	Khôi	5	5	5	1			SAN-4	
319	281	AT210430	Nguyễn Minh	Khôi	8	8	8	1			SAN-4	
320	282	AT210429	Phạm Cao	Khôi	8	8	8	1			SAN-4	
321		CT090125	Lâm Văn	Khuê	-25	-25	-25	1				Cấm thi
322	635	DT080325	Ngô Khắc	Kiên	9	9	9	1			SAN-3	
323	533	DT080128	Nguyễn Đức	Kiên	9	9	9	1			SAN-1	
324	332	AT210530	Nguyễn Trung	Kiên	8	8	8	1			SAN-1	
325	378	CT090126	Nguyễn Văn	Kiên	9	5	7,8	1			SAN-2	

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
326	429	CT090227	Nguyễn Văn	Kiên	7	4	6,1	1			SAN-3	
327	636	DT080326	Trần Quang	Kiên	8	8	8	1			SAN-3	
328	637	DT080327	Lê Phạm Tuấn	Kiệt	9	7	8,4	1			SAN-3	
329	534	DT080129	Nguyễn Tuấn	Kiệt	9	8	8,7	1			SAN-1	
330	130	AT210129	Nguyễn Đình	Kỳ	7	7	7	1			SAN-1	
331	430	CT090228	Nguyễn Vũ	Kỳ	8	8	8	1			SAN-3	
332	131	AT210130	Lê Phạm Thị	Lài	8	8	8	1			SAN-1	
333	535	DT080131	Bùi Tùng	Lâm	9	6	8,1	1			SAN-1	
334	638	DT080328	Lê Duy	Lâm	9	8	8,7	1			SAN-3	
335	176	AT210231	Mai Bảo	Lâm	7	7	7	1			SAN-2	
336	232	AT210331	Nguyễn Hồ Bảo	Lâm	9	6	8,1	1			SAN-3	
337	132	AT210257	Nguyễn Phú	Lâm	5	5	5	1			SAN-1	
338	177	AT210230	Trần Quang	Lâm	5	5	5	1			SAN-2	
339	536	DT080130	Trần Quang	Lâm	9	5	7,8	1			SAN-1	
340	133	AT210131	Vũ Tùng	Lâm	5	5	5	1			SAN-1	
341	678	DT060231	Nguyễn Mạnh	Lân	7	7	7	1			SAN-4	
342	283	AT210432	Bùi Quang	Linh	8	8	8	1			SAN-4	
343	333	AT210531	Lưu Nhật	Linh	9	10	9,3	1			SAN-1	
344	134	AT210132	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	7	7	7	1			SAN-1	
345	334	AT210532	Nguyễn Thùy	Linh	5	5	5	1			SAN-1	
346	480	CT090327	Trịnh Thị	Linh	9	9	9	1			SAN-4	
347	284	AT210431	Trương Vũ Cẩm	Linh	5	5	5	1			SAN-4	
348	233	AT210332	Từ Thị Khánh	Linh	9	6	8,1	1			SAN-3	
349	639	DT080330	Bùi Minh	Long	9	5	7,8	1			SAN-3	
350	379	CT090127	Đặng Hoàng	Long	9	9	9	1			SAN-2	
351	285	AT210433	Hà Văn	Long	5	5	5	1			SAN-4	
352	178	AT210233	Lê Minh	Long	5	5	5	1			SAN-2	
353	679	CT070136	Nguyễn Minh	Long	6	6	6	1			SAN-4	
354	380	CT090128	Nguyễn Tất Hoàng	Long	9	5	7,8	1			SAN-2	
355	381	CT090129	Nguyễn Thành	Long	9	8	8,7	1			SAN-2	
356	135	AT210133	Nguyễn Thành	Long	7	7	7	1			SAN-1	
357	234	AT210334	Nguyễn Việt Nhật	Long	9	9	9	1			SAN-3	
358	235	AT210333	Phạm Nhật	Long	8	9	8,3	1			SAN-3	
359	236	AT210134	Thái Thành	Long	9	9	9	1			SAN-3	
360	537	DT080132	Trần Hiền	Long	9	8	8,7	1			SAN-1	
361	680	AT150431	Vũ Hoàng	Long	4	4	4	1			SAN-4	
362	640	DT080329	Đình Việt	Lộc	9	7	8,4	1			SAN-3	
363	481	CT090328	Đình Tiến	Lợi	7	7	7	1			SAN-4	
364	431	CT090229	Nguyễn Thành	Luân	8	9	8,3	1			SAN-3	
365	587	DT080229	Nguyễn Văn	Luân	9	8	8,7	1			SAN-2	
366	335	AT210534	Nguyễn Việt Bảo	Lương	5	5	5	1			SAN-1	
367	588	AT180630	Phạm Đức	Lương	8	4	6,8	1			SAN-2	
368	179	AT210234	Trần Thị Thanh	Mai	5	5	5	1			SAN-2	
369	482	CT090329	Bùi Duy	Mạnh	7	7	7	1			SAN-4	
370	538	DT080133	Nguyễn Duy	Mạnh	9	8	8,7	1			SAN-1	
371	589	DT080230	Nguyễn Duy	Mạnh	9	9	9	1			SAN-2	
372	432	CT090230	Nguyễn Đức	Mạnh	8	6	7,4	1			SAN-3	
373	681	AT190332	Nguyễn Quý	Mạnh	7	7	7	1			SAN-4	
374	382	CT090130	Nguyễn Tiến	Mạnh	8	5	7,1	1			SAN-2	
375	682	AT190333	Nguyễn Văn	Mạnh	7	7	7	1			SAN-4	
376	180	AT210235	Trương Đức	Mạnh	5	5	5	1			SAN-2	
377	336	AT210535	Cao Tiến	Minh	6	6	6	1			SAN-1	
378	590	DT080231	Khổng Lê	Minh	9	8	8,7	1			SAN-2	
379	136	AT210136	Lê Văn	Minh	7	7	7	1			SAN-1	
380	337	AT210536	Nguyễn Bình	Minh	6	6	6	1			SAN-1	
381	137	AT210336	Nguyễn Công	Minh	7	7	7	1			SAN-1	
382	286	AT210435	Nguyễn Nhật	Minh	5	5	5	1			SAN-4	
383	641	DT080331	Nguyễn Nhật	Minh	7	9	7,6	1			SAN-3	
384	383	CT090132	Nguyễn Quang	Minh	9	7	8,4	1			SAN-2	
385	433	CT090231	Nguyễn Quang	Minh	9	10	9,3	1			SAN-3	
386	539	DT080134	Nguyễn Tuấn	Minh	8	9	8,3	1			SAN-1	
387	540	AT200138	Phạm Công	Minh	9	8	8,7	1			SAN-1	
388	138	AT210135	Thái Duy	Minh	8	8	8	1			SAN-1	
389	287	AT210436	Trần Đức	Minh	8	8	8	1			SAN-4	
390	683	AT210335	Trần Thùy	Minh	8	8	8	1			SAN-4	
391	483	CT090330	Vũ Nguyễn Đức	Minh	6	6	6	1			SAN-4	
392		CT090131	Vũ Tiến	Minh	-100	-100	-100	1				Cấm thi

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
393	684	AT210337	Đặng Hoàng	Nam	7	7	7	1			SAN-4	
394	181	AT210236	Đỗ Hoài	Nam	5	5	5	1			SAN-2	
395	685	AT210338	Đỗ Hoài	Nam	7	7	7	1			SAN-4	
396	288	AT210437	Đỗ Phương	Nam	8	8	8	1			SAN-4	
397	591	DT080232	Lê Hồng	Nam	7	6	6,7	1			SAN-2	
398	686	AT190234	Lô Hoàng	Nam	4	4	4	1			SAN-4	
399	642	DT080332	Nguyễn Minh	Nam	9	9	9	1			SAN-3	
400	289	AT210438	Nguyễn Ngọc	Nam	8	8	8	1			SAN-4	
401	434	CT090232	Nguyễn Văn	Nam	9	7	8,4	1			SAN-3	
402	182	AT210237	Nguyễn Văn Hoàng	Nam	5	5	5	1			SAN-2	
403	435	CT070234	Hoàng Văn	Nên	8	5	7,1	1			SAN-3	
404	436	CT090233	Đặng Thị	Nga	9	8	8,7	1			SAN-3	
405	338	AT210537	Nông Thị	Nga	9	10	9,3	1			SAN-1	
406	339	AT210538	Nguyễn Thị Kim	Ngân	8	8	8	1			SAN-1	
407	139	AT210137	Trần Kim	Ngân	6	6	6	1			SAN-1	
408	237	AT210138	Dư Trọng	Nghĩa	9	8	8,7	1			SAN-3	
409	484	CT090331	Lê Bá	Nghĩa	6	6	6	1			SAN-4	
410	437	CT090234	Vương Khả	Nghĩa	8	8	8	1			SAN-3	
411	592	DT080233	Bùi Bích	Ngọc	9	5	7,8	1			SAN-2	
412	183	AT210238	Bùi Thị Kim	Ngọc	5	5	5	1			SAN-2	
413	541	DT080136	Phan Yên	Ngọc	8	9	8,3	1			SAN-1	
414	485	CT090332	Đỗ Đức	Nguyễn	6	6	6	1			SAN-4	
415	593	DT080234	Ngô Sỹ	Nguyễn	9	5	7,8	1			SAN-2	
416	384	CT090133	Nguyễn Trung	Nguyễn	8	9	8,3	1			SAN-2	
417	184	AT210239	Nguyễn Tuấn	Nguyễn	7	7	7	1			SAN-2	
418	687	AT210339	Bùi Thanh	Nhân	7	7	7	1			SAN-4	
419	486	AT210340	Cao Văn	Nhân	6	6	6	1			SAN-4	
420	594	DT080235	Hoàng Việt	Nhật	7	5	6,4	1			SAN-2	
421	487	CT090333	Lương Quang	Nhật	9	9	9	1			SAN-4	
422	688	AT200143	Nguyễn Anh	Nhất	7	7	7	1			SAN-4	
423	385	CT090134	Nguyễn Xuân	Nhất	9	7	8,4	1			SAN-2	
424	438	AT190437	Trần Minh	Nhật	7	7	7	1			SAN-3	
425	290	AT210439	Bùi Quỳnh	Như	9	9	9	1			SAN-4	
426	291	AT210440	Nguyễn Trần Thái	Ninh	8	8	8	1			SAN-4	
427	488	CT090334	Chữ Thanh	Phong	9	9	9	1			SAN-4	
428	340	AT210539	Hoàng Hữu	Phong	8	8	8	1			SAN-1	
429	292	AT210540	Ngô Thọ Kỳ	Phong	8	8	8	1			SAN-4	
430	185	AT190540	Nguyễn Hồng	Phong	7	7	7	1			SAN-2	
431	386	CT070143	Nguyễn Tuấn	Phong	8	5	7,1	1			SAN-2	
432	595	DT080236	Vũ Tuấn	Phong	9	5	7,8	1			SAN-2	
433	186	AT210240	Dương Xuân	Phú	5	5	5	1			SAN-2	
434		AT210139	Đàm Văn	Phú	8	8	8	1				Nợ HP
435	140	AT210140	Trịnh Hữu	Phú	8	8	8	1			SAN-1	
436	387	AT210342	Đặng Hồng	Phúc	9	8	8,7	1			SAN-2	
437	689	AT210341	Hoàng Minh	Phúc	7	7	7	1			SAN-4	
438	643	DT080333	Lê Đình	Phúc	9	7	8,4	1			SAN-3	
439	293	CT070338	Nguyễn Gia	Phúc	8	8	8	1			SAN-4	
440	388	CT090135	Nguyễn Hoàng	Phúc	9	10	9,3	1			SAN-2	
441	187	AT210241	Nguyễn Hồng	Phúc	6	6	6	1			SAN-2	
442	439	CT090235	Nguyễn Trọng	Phúc	9	7	8,4	1			SAN-3	
443	389	CT090136	Vũ Hữu	Phúc	9	5	7,8	1			SAN-2	
444	440	CT090236	Trần Hoàng	Phước	8	5	7,1	1			SAN-3	
445	441	CT090237	Nguyễn Minh	Phương	8	5	7,1	1			SAN-3	
446	542	DT080139	Hoàng Văn	Quang	8	6	7,4	1			SAN-1	
447	596	DT080239	Hồ Văn	Quang	9	5	7,8	1			SAN-2	
448	543	DT080138	Lê Vinh	Quang	9	6	8,1	1			SAN-1	
449	188	AT210242	Nguyễn Đình	Quang	7	7	7	1			SAN-2	
450	644	DT080335	Nguyễn Đức Việt	Quang	7	7	7	1			SAN-3	
451	141	AT210143	Nguyễn Minh	Quang	7	7	7	1			SAN-1	
452	238	AT210142	Trần Minh	Quang	9	8	8,7	1			SAN-3	
453	645	DT080334	Đỗ Hồng	Quân	9	9	9	1			SAN-3	
454	597	DT080238	Lê Hữu	Quân	8	8	8	1			SAN-2	
455	598	DT080237	Mai Văn	Quân	9	5	7,8	1			SAN-2	
456	294	AT210441	Nguyễn Văn	Quân	7	7	7	1			SAN-4	
457	295	AT210442	Phạm Anh	Quân	8	8	8	1			SAN-4	
458	442	CT090238	Phạm Anh	Quân	9	5	7,8	1			SAN-3	
459	341	AT210542	Phạm Minh	Quân	5	5	5	1			SAN-1	

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
460	544	DT080137	Trần Minh	Quân	8	5	7,1	1			SAN-1	
461	342	AT210541	Trần Nhật Minh	Quân	5	5	5	1			SAN-1	
462	489	CT090335	Lê Ngọc	Quốc	9	9	9	1			SAN-4	
463	490	CT090336	Nguyễn Minh	Quý	6	6	6	1			SAN-4	
464	646	DT080336	Trần Minh	Quý	9	5	7,8	1			SAN-3	
465	647	DT080337	Chu Văn	Quyền	7	8	7,3	1			SAN-3	
466	491	CT090337	Nguyễn Thảo	Quyền	5	5	5	1			SAN-4	
467	189	AT210243	Tông Nhật	Quyền	8	8	8	1			SAN-2	
468	239	AT210344	Lữ Như	Quỳnh	8	9	8,3	1			SAN-3	
469	690	AT210343	Nguyễn Như	Quỳnh	8	8	8	1			SAN-4	
470	691	AT160738	Vũ Ngọc	Quỳnh	7	7	7	1			SAN-4	
471	296	AT210443	Hoàng Văn	Sáng	8	8	8	1			SAN-4	
472	297	AT210444	Nguyễn Ánh	Sáng	8	8	8	1			SAN-4	
473	492	CT090338	Nguyễn Bá	Sáng	9	9	9	1			SAN-4	
474	240	AT210144	Đặng Minh	Sơn	9	8	8,7	1			SAN-3	
475	190	AT210244	Đặng Thế	Sơn	6	6	6	1			SAN-2	
476	692	AT140737	Lại Văn	Sơn	7	7	7	1			SAN-4	
477	343	AT210544	Lê Tài	Sơn	5	5	5	1			SAN-1	
478	298	AT210543	Nguyễn Hồng	Sơn	5	5	5	1			SAN-4	
479	191	AT210245	Nguyễn Hồng	Sơn	7	7	7	1			SAN-2	
480	390	CT090137	Nguyễn Lê Ngọc	Sơn	8	8	8	1			SAN-2	
481	599	DT080240	Nguyễn Thế	Sơn	9	5	7,8	1			SAN-2	
482	545	DT080140	Trần Nguyễn Nam	Sơn	9	5	7,8	1			SAN-1	
483	648	DT080338	Trần Văn	Sỹ	7	8	7,3	1			SAN-3	
484	600	DT060143	Nguyễn Anh	Tài	9	9	9	1			SAN-2	
485	241	AT210346	Nguyễn Văn	Tài	9	8	8,7	1			SAN-3	
486	649	DT080339	Nguyễn Công Thiện	Tâm	9	5	7,8	1			SAN-3	
487	299	AT210445	Nguyễn Đức	Tấn	8	8	8	1			SAN-4	
488	650	DT080340	Nguyễn Văn	Thạch	8	9	8,3	1			SAN-3	
489	651	DT080341	Đỗ Duy	Thái	9	9	9	1			SAN-3	
490	391	CT090138	Nguyễn Ngọc	Thái	8	6	7,4	1			SAN-2	
491	546	DT080142	Triệu Quốc	Thái	9	5	7,8	1			SAN-1	
492	493	CT090339	Bùi Đức	Thành	6	6	6	1			SAN-4	
493	601	DT080242	Hoàng Thị Phương	Thanh	9	9	9	1			SAN-2	
494	443	CT090241	Nguyễn Chí	Thanh	9	5	7,8	1			SAN-3	
495	392	CT090139	Nguyễn Công	Thành	9	6	8,1	1			SAN-2	
496	602	DT080243	Nguyễn Tiến	Thành	9	9	9	1			SAN-2	
497	192	AT210247	Nguyễn Tiến	Thành	8	8	8	1			SAN-2	
498	193	AT210246	Nguyễn Văn	Thành	8	8	8	1			SAN-2	
499	547	AT210347	Nguyễn Văn	Thành	8	5	7,1	1			SAN-1	
500	603	DT080244	Phạm Xuân	Thành	9	5	7,8	1			SAN-2	
501	393	CT090140	Phan Quang	Thành	9	6	8,1	1			SAN-2	
502	142	AT210146	Thái Đức	Thành	8	8	8	1			SAN-1	
503	548	DT080144	Trần Đức	Thành	9	5	7,8	1			SAN-1	
504	242	AT210348	Đặng Hương	Thảo	9	7	8,4	1			SAN-3	
505	300	AT210447	Nguyễn Thị	Thảo	8	8	8	1			SAN-4	
506	344	AT210546	Bùi Gia	Thăng	9	10	9,3	1			SAN-1	
507	345	AT210545	Nguyễn Phú	Thăng	5	5	5	1			SAN-1	
508	444	CT090239	Nguyễn Thọ	Thăng	7	7	7	1			SAN-3	
509	604	DT080241	Nguyễn Văn	Thăng	9	8	8,7	1			SAN-2	
510	445	CT090240	Ta Ngọc	Thăng	7	6	6,7	1			SAN-3	
511	243	AT210145	Trần Đại	Thăng	9	6	8,1	1			SAN-3	
512	549	DT080143	Trần Văn	Thăng	9	8	8,7	1			SAN-1	
513	652	DT080343	Mai Văn	Thiem	8	9	8,3	1			SAN-3	
514	693	AT190248	Phạm Tiến	Thien	6	6	6	1			SAN-4	
515	346	AT210548	Đặng Duy	Thịnh	5	5	5	1			SAN-1	
516	653	DT080344	Khuong Viết	Thịnh	9	8	8,7	1			SAN-3	
517	550	DT080145	Lê Quang	Thịnh	7	8	7,3	1			SAN-1	
518	194	AT210547	Nguyễn Thái	Thịnh	7	7	7	1			SAN-2	
519	494	CT090340	Nguyễn Văn Cường	Thịnh	9	9	9	1			SAN-4	
520	694	AT150353	Vũ Hưng	Thịnh	6	6	6	1			SAN-4	
521	143	AT210147	Phùng Thị	Thom	8	8	8	1			SAN-1	
522	551	DT080146	Đinh Minh	Thuận	9	9	9	1			SAN-1	
523	144	AT210148	Nguyễn Đức	Thuần	7	7	7	1			SAN-1	
524	605	DT080245	Nguyễn Hữu	Tiến	8	9	8,3	1			SAN-2	
525	552	DT080147	Nguyễn Văn	Tiến	9	7	8,4	1			SAN-1	
526	347	AT210248	Phan Đồng	Tiến	7	7	7	1			SAN-1	

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
527	496	CT090341	Phan Minh	Tiến	7	7	7	1			SAN-4	
528	446	CT090242	Trần Xuân	Tiến	9	5	7,8	1			SAN-3	
529	394	CT090142	Trương Hoàng	Tiến	9	8	8,7	1			SAN-2	
530	495	CT090342	Vũ Phạm Ngọc	Tiến	8	8	8	1			SAN-4	
531		CT090143	Hà Văn	Toàn	-100	-100	-100	1				Cấm thi
532	654	DT080346	Lê Đức	Toàn	9	5	7,8	1			SAN-3	
533	195	AT210249	Nguyễn Mạnh	Toàn	8	8	8	1			SAN-2	
534	447	CT090243	Đinh Thị Thanh	Trang	9	9	9	1			SAN-3	
535		AT210549	Hoàng Thùy	Trang	-100	-100	-100	1				Cấm thi
536	301	AT210450	Lê Hà	Trang	8	8	8	1			SAN-4	
537	302	AT210449	Tạ Phương	Trang	6	6	6	1			SAN-4	
538	244	AT210350	Vũ Huyền	Trang	9	5	7,8	1			SAN-3	
539	245	AT210349	Nguyễn Quỳnh	Trâm	9	9	9	1			SAN-3	
540	348	AT210550	Nguyễn Đức	Trí	7	7	7	1			SAN-1	
541	448	CT090244	Võ Minh	Trí	8	5	7,1	1			SAN-3	
542	145	AT210149	Lê Đức	Triết	8	8	8	1			SAN-1	
543	196	AT210258	Bùi Hoàng	Triệu	8	8	8	1			SAN-2	
544	146	AT210150	Vì Thị Kiều	Trinh	8	8	8	1			SAN-1	
545	197	AT210250	Đặng Văn	Trọng	8	8	8	1			SAN-2	
546	606	DT080246	Nguyễn Phú	Trọng	8	8	8	1			SAN-2	
547	449	CT090245	Phạm Thanh	Trúc	9	9	9	1			SAN-3	
548	395	CT060141	Bùi Sơn	Trung	8	6	7,4	1			SAN-2	
549	198	AT210251	Bùi Thế	Trung	5	5	5	1			SAN-2	
550	396	CT090144	Đặng Quang	Trung	9	7	8,4	1			SAN-2	
551	246	AT210351	Đỗ Kiên	Trung	9	4	7,5	1			SAN-3	
552	247	AT210352	Lê Hoàng	Trung	8	9	8,3	1			SAN-3	
553	450	CT090246	Lê Thành	Trung	9	8	8,7	1			SAN-3	
554	607	DT080247	Ngô Văn	Trung	8	9	8,3	1			SAN-2	
555	397	CT090145	Phạm Trần Chí	Trung	9	8	8,7	1			SAN-2	
556	497	CT090343	Tiêu Quang	Trung	5	5	5	1			SAN-4	
557	498	CT090344	Bùi Xuân	Trường	7	7	7	1			SAN-4	
558	655	DT080345	Đỗ Mạnh	Trường	9	8	8,7	1			SAN-3	
559	695	AT190251	Hoàng Lý Đức	Trường	6	6	6	1			SAN-4	
560	696	CT070158	Nguyễn Duy	Trường	7	7	7	1			SAN-4	
561	147	AT210451	Tô Đình	Trường	6	6	6	1			SAN-1	
562	303	AT210452	Đàm Đức	Tú	8	8	8	1			SAN-4	
563	553	DT080148	Hoàng Anh	Tú	8	6	7,4	1			SAN-1	
564		AT210151	Hoàng Minh	Tú	5	5	5	1				Nợ HP
565	499	CT090345	Lê Minh	Tú	6	6	6	1			SAN-4	
566	398	CT090146	Ngô Văn	Tú	8	10	8,6	1			SAN-2	
567	349	AT210552	Nguyễn Văn	Tú	6	6	6	1			SAN-1	
568		AT210551	Nông Tuấn	Tú	7	7	7	1				Nợ HP
569	554	DT080149	Trần Ngọc	Tú	9	8	8,7	1			SAN-1	
570	656	DT080347	Vũ Ngọc	Tú	9	9	9	1			SAN-3	
571	399	CT090147	Cao Ngọc	Tuấn	8	6	7,4	1			SAN-2	
572	451	CT090247	Đinh Công	Tuấn	9	4	7,5	1			SAN-3	
573	697	AT210353	Đỗ Anh	Tuấn	6	6	6	1			SAN-4	
574	608	DT080249	Hoàng Anh	Tuấn	9	7	8,4	1			SAN-2	
575	500	CT090346	Hoàng Mạnh	Tuấn	7	7	7	1			SAN-4	
576	199	AT210253	Lê Huy	Tuấn	8	8	8	1			SAN-2	
577	555	DT080150	Lê Văn	Tuấn	8	8	8	1			SAN-1	
578	658	DT080349	Nguyễn Huy	Tuấn	8	9	8,3	1			SAN-3	
579	609	DT080248	Nguyễn Sỹ	Tuấn	8	8	8	1			SAN-2	
580	248	AT210152	Nguyễn Thanh	Tuấn	9	8	8,7	1			SAN-3	
581	698	AT210354	Phạm Ngọc	Tuấn	5	5	5	1			SAN-4	
582	657	DT080348	Trần Anh	Tuấn	9	7	8,4	1			SAN-3	
583	200	AT210252	Trần Ngô Vi	Tuấn	5	5	5	1			SAN-2	
584	699	AT190254	Vũ Anh	Tuấn	6	6	6	1			SAN-4	
585	452	AT210454	Bùi Quang	Tùng	10	10	10	1			SAN-3	
586	350	AT210553	Bùi Quang	Tùng	8	8	8	1			SAN-1	
587	700	AT190255	Nguyễn Hoàng	Tùng	6	6	6	1			SAN-4	
588	351	AT210554	Nguyễn Xuân	Tùng	5	5	5	1			SAN-1	
589	701	AT190357	Phan Văn	Tùng	7	7	7	1			SAN-4	
590	249	AT210153	Tô Cảnh	Tùng	8	9	8,3	1			SAN-3	
591	148	DT050235	Trần Đức	Tùng	5	5	5	1			SAN-1	
592	501	CT090347	Trần Đức	Tùng	6	6	6	1			SAN-4	
593	453	CT090248	Trần Văn	Tùng	7	6	6,7	1			SAN-3	

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
594	610	DT080250	Đặng Ngọc	Tuyền	9	8	8,7	1			SAN-2	
595	659	DT080350	Hoàng Công	Tuyền	9	5	7,8	1			SAN-3	
596	502	CT090348	Ngô Trọng	Tuyền	7	7	7	1			SAN-4	
597	201	AT210255	Nguyễn Trí	Vĩ	5	5	5	1			SAN-2	
598	304	AT210455	Bùi Quang	Việt	8	8	8	1			SAN-4	
599	250	AT210355	Đào Quốc	Việt	8	8	8	1			SAN-3	
600	454	CT090249	Lê Đức	Việt	7	4	6,1	1			SAN-3	
601	702	AT200167	Nguyễn Đức	Việt	7	7	7	1			SAN-4	
602	251	AT210356	Nguyễn Quốc	Việt	8	9	8,3	1			SAN-3	
603	400	CT090148	Phạm Văn	Việt	9	7	8,4	1			SAN-2	
604	503	CT090349	Trần Đình Quang	Việt	7	7	7	1			SAN-4	
605	305	AT210456	Vi Hoàng	Việt	8	8	8	1			SAN-4	
606	352	AT210555	Cao Quang	Vinh	7	7	7	1			SAN-1	
607	455	CT090250	Nguyễn Trường	Vinh	10	10	10	1			SAN-3	
608	703	AT190459	Nguyễn Văn	Vinh	6	6	6	1			SAN-4	
609	353	AT210556	Phạm Phú	Vinh	5	5	5	1			SAN-1	
610	401	CT090149	Phạm Thành	Vinh	7	6	6,7	1			SAN-2	
611	704	DT080251	Vũ Quang	Vinh	4	4	4	1			SAN-4	
612		CT040455	Bùi Quốc	Vũ	4	4	4	1				Nợ HP
613	252	AT210155	Đỗ Ngọc Nguyên	Vũ	9	8	8,7	1			SAN-3	
614	556	DT080152	Hoàng Anh	Vũ	8	5	7,1	1			SAN-1	
615	705	AT200168	Hoàng Tuấn	Vũ	4	4	4	1			SAN-4	
616	253	AT210357	Lê Anh	Vũ	9	7	8,4	1			SAN-3	
617	557	DT080151	Lương Trường	Vũ	9	6	8,1	1			SAN-1	
618	504	CT090350	Nguyễn Anh	Vũ	7	7	7	1			SAN-4	
619	402	CT090150	Nguyễn Long	Vũ	8	5	7,1	1			SAN-2	
620		DT080351	Nguyễn Trường	Vũ	-100	-100	-100	1				Cấm thi
621	202	AT210256	Phạm Anh	Vũ	8	8	8	1			SAN-2	
622	660	DT080352	Trần Đình	Vũ	8	8	8	1			SAN-3	
623	354	CT090251	Trần Đình	Vũ	5	5	5	1			SAN-1	
624	355	AT210557	Hoàng Minh	Vương	5	5	5	1			SAN-1	
625	706	AT190259	Nguyễn Long	Vỹ	7	7	7	1			SAN-4	
626	149	AT210156	Vũ Khánh	Vy	5	5	5	1			SAN-1	

DANH SÁCH THÍ SINH
Năm học 2025-2026. Học kỳ 1

Môn thi: **Hệ thống thông tin di động**

Hình thức thi: Trắc nghiệm

Thời gian làm bài: 60 phút

Tổng số thí sinh: 186

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
1	185	CT070301	Võ Hồng	An	9,8	9	9,6	1	14/10/2025	7h	203-TA1	
2	186	CT070201	Vũ Quốc	An	9,8	9	9,6	1	14/10/2025	7h	203-TA1	
3	132	CT070303	Bùi Đức	Anh	9,8	8	9,3	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
4	133	CT070103	Chu Thị Vân	Anh	10	7,5	9,3	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
5	249	CT070104	Đoàn Hoàng	Anh	7,8	8	7,9	1	14/10/2025	8h	203-TA1	
6	134	CT070304	Đỗ Tuấn	Anh	9,5	7	8,8	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
7	100	CT070302	Lê Văn	Anh	9,3	8,5	9,1	1	14/10/2025	7h	201-TA1	
8	250	CT070101	Lưu Tuấn	Anh	9,5	9	9,4	1	14/10/2025	8h	203-TA1	
9	135	CT070102	Nguyễn Đình Tuấn	Anh	9,8	8	9,3	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
10	136	CT070204	Nguyễn Hoàng	Anh	5	7	5,6	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
11	217	CT070202	Nguyễn Tuấn	Anh	9,3	8	8,9	1	14/10/2025	8h	201-TA1	
12	187	CT070205	Phạm Văn	Anh	9,8	7	9	1	14/10/2025	7h	203-TA1	
13	218	CT070105	Trần Thế	Anh	4	5	4,3	1	14/10/2025	8h	201-TA1	
14	219	CT070106	Trần Ngọc	Bảo	8	8	8	1	14/10/2025	8h	201-TA1	
15	251	CT070206	Vũ Mạnh	Chiến	9,8	10	9,9	1	14/10/2025	8h	203-TA1	
16	188	CT070207	Nguyễn Huy	Chính	5	7,5	5,8	1	14/10/2025	7h	203-TA1	
17	220	CT070306	Ngô Minh	Cường	10	9	9,7	1	14/10/2025	8h	201-TA1	
18	137	CT070108	Nguyễn Văn	Cường	9,5	9	9,4	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
19	138	CT070109	Trần Mạnh	Cường	8	8	8	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
20	189	CT070113	Nguyễn Đức	Diện	9,5	9	9,4	1	14/10/2025	7h	203-TA1	
21	101	CT070212	Nguyễn Tuấn	Dũng	9,5	9	9,4	1	14/10/2025	7h	201-TA1	
22		CT070311	Phạm Tiến	Dũng	-25	-25	-25	1				Cấm thi
23	139	CT070115	Trần Hoàng	Dũng	7	9	7,6	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
24	252	CT070213	Dương Thế	Duy	10	8	9,4	1	14/10/2025	8h	203-TA1	
25	253	CT070313	Hà Phương	Duy	4	6	4,6	1	14/10/2025	8h	203-TA1	
26	254	CT070214	Lê Phú	Duy	10	9	9,7	1	14/10/2025	8h	203-TA1	
27	140	CT070118	Phạm Quang	Duy	7,3	6,5	7,1	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
28	141	CT070314	Nguyễn Minh	Duyên	6,8	8	7,2	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
29	142	CT070211	Trịnh Quốc	Dư	9,8	9,5	9,7	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
30		CT070116	Bùi Quang	Dương	-25	-25	-25	1				Cấm thi
31	221	CT070117	Châu Tùng	Dương	9,8	9	9,6	1	14/10/2025	8h	201-TA1	
32		CT040412	Đỗ Ngọc Tùng	Dương	-25	-25	-25	1				Cấm thi
33	222	CT070312	Kiều Cao	Dương	9	9	9	1	14/10/2025	8h	201-TA1	
34	143	CT070110	Nguyễn Lương	Đại	8,8	10	9,2	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
35	255	CT070307	Nguyễn Quốc	Đại	9,5	9	9,4	1	14/10/2025	8h	203-TA1	
36	144	CT070112	Nguyễn Tiến	Đạt	4	5,5	4,5	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
37	190	CT070210	Nguyễn Tiến	Đạt	8,8	8	8,6	1	14/10/2025	7h	203-TA1	
38	145	CT070310	Trần Quốc	Đạt	10	8	9,4	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
39	256	CT070208	Đỗ Minh	Đăng	8,5	8,5	8,5	1	14/10/2025	8h	203-TA1	
40	191	CT070308	Trần Hải	Đăng	9,3	9	9,2	1	14/10/2025	7h	203-TA1	
41	223	CT070111	Vũ Văn	Đăng	4,3	6,5	5	1	14/10/2025	8h	201-TA1	
42	146	CT070114	Phạm Văn	Đoàn	9	9	9	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
43	147	CT070120	Nguyễn Văn	Giang	8,3	7	7,9	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
44	102	CT070215	Tô Khắc	Giáp	8,3	7,5	8,1	1	14/10/2025	7h	201-TA1	
45	148	CT070315	Lê Vĩnh	Hà	10	9,5	9,9	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
46	257	CT070216	Nguyễn Ngọc	Hà	8	8,5	8,2	1	14/10/2025	8h	203-TA1	
47	258	CT070316	Dương Công	Hai	9,8	7	9	1	14/10/2025	8h	203-TA1	
48	149	CT070122	Đinh Hồng	Hải	9,8	9	9,6	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
49	103	CT070218	Huỳnh Ngọc	Hải	9,5	9	9,4	1	14/10/2025	7h	201-TA1	
50	259	CT070217	Nguyễn Chính	Hải	8,8	8,5	8,7	1	14/10/2025	8h	203-TA1	
51	192	CT070123	Nguyễn Đức	Hải	9,8	9	9,6	1	14/10/2025	7h	203-TA1	
52	150	CT070318	Vũ Ngọc	Hải	5,5	9,5	6,7	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
53	224	CT070124	Phan Văn	Hiệp	9,8	7	9	1	14/10/2025	8h	201-TA1	
54	151	CT070125	Ngô Trung	Hiếu	7,3	9	7,8	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
55	260	CT070219	Lò Thị Xuân	Hoa	9	8,5	8,9	1	14/10/2025	8h	203-TA1	
56	193	CT070126	Phan Trọng	Hoàn	8	9	8,3	1	14/10/2025	7h	203-TA1	
57	261	CT070320	Mai Việt	Hoàng	6,3	8	6,8	1	14/10/2025	8h	203-TA1	

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
58	152	CT070319	Nguyễn Huy	Hoàng	9,5	8	9,1	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
59	194	CT070127	Nguyễn Huy	Hoàng	10	8	9,4	1	14/10/2025	7h	203-TA1	
60	104	CT070221	Nguyễn Huy	Hoàng	7,3	8,5	7,7	1	14/10/2025	7h	201-TA1	
61	262	CT070128	Nguyễn Sỹ Huy	Hoàng	9,5	8	9,1	1	14/10/2025	8h	203-TA1	
62	153	CT070222	Nguyễn Văn	Hoàng	9,3	8	8,9	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
63	263	CT070223	Chu Mai	Hồng	10	9	9,7	1	14/10/2025	8h	203-TA1	
64	225	CT070321	Trương Quang	Hợp	8,8	8,5	8,7	1	14/10/2025	8h	201-TA1	
65	195	CT070224	Đặng Thái Phi	Hùng	8,8	9	8,9	1	14/10/2025	7h	203-TA1	
66	154	CT070129	Đặng Xuân	Hùng	7,5	7,5	7,5	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
67	264	CT070322	Phạm Văn	Hùng	5,5	7,5	6,1	1	14/10/2025	8h	203-TA1	
68	265	CT070132	Đỗ Ngọc	Huy	9,5	7,5	8,9	1	14/10/2025	8h	203-TA1	
69	196	CT070226	Hoàng Văn	Huy	9,5	6,5	8,6	1	14/10/2025	7h	203-TA1	
70	197	CT070227	Lê Quốc	Huy	8,3	9	8,5	1	14/10/2025	7h	203-TA1	
71	105	CT070324	Nguyễn Quang	Huy	9,8	8	9,3	1	14/10/2025	7h	201-TA1	
72	266	CT070325	Phạm Đức	Huy	8,3	9	8,5	1	14/10/2025	8h	203-TA1	
73	106	CT070326	Phạm Văn	Huy	9,3	9,5	9,4	1	14/10/2025	7h	201-TA1	
74	107	CT070131	Vũ Quốc	Huy	10	9	9,7	1	14/10/2025	7h	201-TA1	
75	198	CT070225	Lê Thành	Hưng	9,5	8	9,1	1	14/10/2025	7h	203-TA1	
76	226	CT070130	Nguyễn Quốc	Hưng	9,8	7	9	1	14/10/2025	8h	201-TA1	
77	227	CT070323	Phạm Việt	Hưng	8,5	7,5	8,2	1	14/10/2025	8h	201-TA1	
78	199	CT070133	Quách Văn	Khải	4,8	5	4,9	1	14/10/2025	7h	203-TA1	
79	267	CT070134	Lê Đồng Ngọc	Khánh	6,8	8,5	7,3	1	14/10/2025	8h	203-TA1	
80	108	CT050229	Nguyễn Đình	Khánh	7	9	7,6	1	14/10/2025	7h	201-TA1	
81	228	CT070228	Lê Văn	Khiêm	8,8	8	8,6	1	14/10/2025	8h	201-TA1	
82	268	CT070327	Đào Quang	Kiên	6,5	9,5	7,4	1	14/10/2025	8h	203-TA1	
83	109	CT070328	Nguyễn Hoàng	Long	9,5	9,5	9,5	1	14/10/2025	7h	201-TA1	
84	155	CT070136	Nguyễn Minh	Long	4,5	5	4,7	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
85	156	CT070229	Đỗ Đại	Lộc	5	6,5	5,5	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
86		CT070135	Nguyễn Hữu	Lộc	-10	-10	-10	1				Cầm thi
87	269	CT070230	Lê Văn	Lợi	9,3	9	9,2	1	14/10/2025	8h	203-TA1	
88	110	CT070329	Nguyễn Đức	Lương	5	7	5,6	1	14/10/2025	7h	201-TA1	
89	157	CT070137	Trần Đức	Mạnh	7,5	8,5	7,8	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
90	158	CT070231	Nguyễn Chí	Minh	4,8	7	5,5	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
91	200	CT070232	Trần Hoàng	Minh	6,5	8	7	1	14/10/2025	7h	203-TA1	
92	229	CT070138	Trịnh Đắc Nhật	Minh	5	7	5,6	1	14/10/2025	8h	201-TA1	
93	159	CT070331	Lưu Thị Trà	My	9	9	9	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
94	270	CT070139	Đỗ Hoàng Giang	Nam	9	9	9	1	14/10/2025	8h	203-TA1	
95	271	CT070233	Vũ Văn	Nam	5,3	7	5,8	1	14/10/2025	8h	203-TA1	
96	201	CT070234	Hoàng Văn	Nên	9,3	9	9,2	1	14/10/2025	7h	203-TA1	
97	272	CT070332	Nguyễn Văn	Nghĩa	7,5	9	8	1	14/10/2025	8h	203-TA1	
98	160	CT070141	Hoàng Thị Bích	Ngọc	9,8	9	9,6	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
99	202	CT070140	Mai Xuân	Ngọc	4	7	4,9	1	14/10/2025	7h	203-TA1	
100	161	CT070333	Phạm Như	Ngọc	8,8	9	8,9	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
101	203	CT070334	Cao Đình	Nguyên	5,3	8	6,1	1	14/10/2025	7h	203-TA1	
102	230	CT070235	Đỗ Lê Huy	Nguyên	9,8	9	9,6	1	14/10/2025	8h	201-TA1	
103	162	CT070142	Nguyễn Chung	Nguyên	10	7,5	9,3	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
104	231	CT070335	Lê Anh	Nhật	9	7	8,4	1	14/10/2025	8h	201-TA1	
105	204	CT070236	Phạm Hoa	Nhi	9,3	9	9,2	1	14/10/2025	7h	203-TA1	
106	111	CT070237	Võ Thị Phương	Nhung	9,8	8,5	9,4	1	14/10/2025	7h	201-TA1	
107	163	CT070336	Đặng Quang	Ninh	10	8,5	9,6	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
108	164	CT070238	Vũ Bá	Pháo	6,5	9	7,3	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
109	273	CT070239	Hoàng	Phong	9	9	9	1	14/10/2025	8h	203-TA1	
110	232	CT070337	Ngô Hồng	Phong	9,5	7,5	8,9	1	14/10/2025	8h	201-TA1	
111	112	CT070143	Nguyễn Tuấn	Phong	9,5	7,5	8,9	1	14/10/2025	7h	201-TA1	
112	165	CT070240	Hoàng Bảo	Phúc	9,5	9	9,4	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
113	233	CT070338	Nguyễn Gia	Phúc	6,3	8,5	7	1	14/10/2025	8h	201-TA1	
114	234	CT070144	Nguyễn Văn	Phúc	7	8,5	7,5	1	14/10/2025	8h	201-TA1	
115	166	CT070339	Tạ Đức	Phúc	6,3	7	6,5	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
116	113	CT070241	Vũ Thị Minh	Phượng	7,3	8,5	7,7	1	14/10/2025	7h	201-TA1	
117	274	CT070242	Bùi Thanh	Quân	7,3	9	7,8	1	14/10/2025	8h	203-TA1	
118	275	CT070342	Hà Anh	Quân	9,8	7,5	9,1	1	14/10/2025	8h	203-TA1	
119	114	CT070243	Lã Anh	Quân	9,3	7	8,6	1	14/10/2025	7h	201-TA1	
120	167	CT070146	Lê Anh	Quân	8	9	8,3	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
121	115	CT070341	Mai Hà	Quân	5,5	8	6,3	1	14/10/2025	7h	201-TA1	
122	168	CT070145	Nguyễn Anh	Quân	8	8	8	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
123	235	CT070147	Nguyễn Đình	Quân	6,3	9	7,1	1	14/10/2025	8h	201-TA1	
124	116	CT070148	Nguyễn Hải	Quốc	5,5	8,5	6,4	1	14/10/2025	7h	201-TA1	

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
125	236	CT070244	Nguyễn Xuân	Quý	4,8	6	5,2	1	14/10/2025	8h	201-TA1	
126	276	CT070343	Lê Châu	Quyền	9	9	9	1	14/10/2025	8h	203-TA1	
127	237	CT070149	Nguyễn Thiện	Quyền	10	7,5	9,3	1	14/10/2025	8h	201-TA1	
128	238	CT070245	Trần Duy	Quyển	5,5	7	6	1	14/10/2025	8h	201-TA1	
129	277	CT070344	Hoàng Thị Như	Quỳnh	9	9	9	1	14/10/2025	8h	203-TA1	
130	169	CT070150	Hoàng Văn	Sang	9,8	8	9,3	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
131	117	CT070246	Hứa Đức	Sáng	9	8	8,7	1	14/10/2025	7h	201-TA1	
132	205	CT070247	Hoàng Thanh	Son	9,8	9,9	9,8	1	14/10/2025	7h	203-TA1	
133	239	CT070345	Không Trung	Son	8,5	8	8,4	1	14/10/2025	8h	201-TA1	
134	118	CT070346	Hoàng Văn	Tài	9,8	9	9,6	1	14/10/2025	7h	201-TA1	
135	170	CT070151	Ngô Tuấn	Tài	8,5	8,5	8,5	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
136	119	CT070152	Lê Hoàng	Tân	8,3	6,5	7,8	1	14/10/2025	7h	201-TA1	
137	240	CT070248	Nguyễn Đình	Tấn	7	8	7,3	1	14/10/2025	8h	201-TA1	
138	171	CT070347	Phạm Công	Thái	7	7	7	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
139	172	CT070249	Trần Duy	Thái	7,5	7,5	7,5	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
140	206	CT070251	Đặng Chí	Thành	8,3	8,5	8,4	1	14/10/2025	7h	203-TA1	
141	120	CT070350	Nguyễn Duy	Thành	6,8	8,5	7,3	1	14/10/2025	7h	201-TA1	
142	173	CT070349	Nguyễn Trung	Thành	9,3	7	8,6	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
143	241	CT070351	Nguyễn Thị Phương	Thảo	6,3	8,5	7	1	14/10/2025	8h	201-TA1	
144	121	CT070153	Kim Đức	Thắng	7	8,5	7,5	1	14/10/2025	7h	201-TA1	
145	242	CT070348	Lê Văn	Thắng	7,3	9	7,8	1	14/10/2025	8h	201-TA1	
146	122	CT070250	Nguyễn Ngọc Việt	Thắng	10	9,5	9,9	1	14/10/2025	7h	201-TA1	
147	174	CT070252	Nguyễn Nam	Thiện	9,5	9	9,4	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
148	175	CT070154	Vũ Hạm	Thiếu	6,3	8,5	7	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
149	207	CT070253	Bùi Đức	Thịnh	9,3	8,5	9,1	1	14/10/2025	7h	203-TA1	
150	176	CT070155	Nguyễn Hữu	Thịnh	9	9	9	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
151	279	CT070352	Trần Hoàng	Thụ	6	6	6	1	14/10/2025	8h	203-TA1	
152	278	CT070254	Vũ Thị Hoài	Thu	9	7	8,4	1	14/10/2025	8h	203-TA1	
153	123	CT070353	Đỗ Minh	Thuần	9,8	7,5	9,1	1	14/10/2025	7h	201-TA1	
154		CT070156	Nguyễn Tiến	Thuận	-10	-10	-10	1				Cắm thi
155	177	CT070255	Đỗ Thị Thanh	Thùy	10	9	9,7	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
156	124	CT070157	Hoàng Văn	Thương	8,5	9	8,7	1	14/10/2025	7h	201-TA1	
157	208	CT070354	Trần Việt	Tiến	10	8,5	9,6	1	14/10/2025	7h	203-TA1	
158	243	CT070256	Lê Chí	Trung	10	9	9,7	1	14/10/2025	8h	201-TA1	
159	178	CT070356	Lê Xuân	Trường	8,8	9,5	9	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
160	179	CT070158	Nguyễn Duy	Trường	6,3	9	7,1	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
161	125	CT070257	Nguyễn Duy	Trường	9,5	8	9,1	1	14/10/2025	7h	201-TA1	
162	180	CT070258	Phạm Bá	Tú	9	9	9	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
163	126	CT070159	Phạm Khắc	Tú	8,5	9,5	8,8	1	14/10/2025	7h	201-TA1	
164	244	CT070160	Đỗ Văn	Tuấn	8,8	9	8,9	1	14/10/2025	8h	201-TA1	
165	181	CT070259	Nguyễn Trọng	Tuấn	9,8	8	9,3	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
166	209	CT070357	Tô Quốc	Tuấn	9,5	9	9,4	1	14/10/2025	7h	203-TA1	
167	182	CT070358	Ngô Thanh	Tùng	9,8	9,5	9,7	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
168	245	CT070260	Nguyễn Hoàng	Tùng	10	9	9,7	1	14/10/2025	8h	201-TA1	
169	210	CT070359	Nguyễn Tài	Tùng	7	9	7,6	1	14/10/2025	7h	203-TA1	
170	246	CT070161	Phạm Văn	Tùng	4,8	6,5	5,3	1	14/10/2025	8h	201-TA1	
171	211	CT070261	Hoàng Hữu	Tuyền	8,5	8	8,4	1	14/10/2025	7h	203-TA1	
172	212	CT070162	Nguyễn Hữu	Tuyền	8,3	8	8,2	1	14/10/2025	7h	203-TA1	
173	280	CT070360	Nguyễn Bá	Việt	5,3	7	5,8	1	14/10/2025	8h	203-TA1	
174	247	CT070262	Nguyễn Văn	Việt	8,5	9	8,7	1	14/10/2025	8h	201-TA1	
175	213	CT070163	Trần Mậu Quốc	Việt	8,8	9	8,9	1	14/10/2025	7h	203-TA1	
176	214	CT070263	Hồ Đức	Vinh	9,3	8	8,9	1	14/10/2025	7h	203-TA1	
177	127	CT070164	Nguyễn Doãn	Vinh	9,3	8,5	9,1	1	14/10/2025	7h	201-TA1	
178	128	CT070361	Nguyễn Trung	Vĩnh	8,5	8	8,4	1	14/10/2025	7h	201-TA1	
179	129	CT070265	Chu Minh	Vũ	9,8	9,5	9,7	1	14/10/2025	7h	201-TA1	
180	130	CT070264	Ngô Tuấn	Vũ	6,5	9	7,3	1	14/10/2025	7h	201-TA1	
181	215	CT070165	Phạm Nguyên	Vũ	7,8	9,5	8,3	1	14/10/2025	7h	203-TA1	
182	248	CT070362	Phạm Thanh	Vũ	8,5	8	8,4	1	14/10/2025	8h	201-TA1	
183	183	CT070363	Đinh Kiệt	Vỹ	9,5	9,5	9,5	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
184	184	CT070266	Nguyễn Hữu	Xuân	9	8	8,7	1	14/10/2025	7h	202.1-TA1	
185	216	CT070364	Võ Thị Kim	Ý	8,5	9	8,7	1	14/10/2025	7h	203-TA1	
186	131	CT070365	Nguyễn Thị Kim	Yến	7,5	9	8	1	14/10/2025	7h	201-TA1	

Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2025

PHÒNG KT&ĐBCLĐT